TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

Bà Nguyễn Hồng Gấm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị V, sinh năm 1985; địa chỉ: Nhà trọ Nguyễn Thị Đ, số 3/16 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/7/2018).

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Nhà trọ Nguyễn Thị Đ, số 3/16 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh T vào ngày 18/02/2009 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01/2009). Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói

chung, thiếu tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên cãi vã, có lần anh T đã có hành động đánh đập chị V. Nay chị V xác định hôn nhân của chị và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị V và anh T có 01 người con chung tên Lê Văn Đức M, sinh ngày 09/11/2009. Sau khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Tường không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị V khởi kiện "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại Nhà trọ Nguyễn Thị Đ, số 3/16 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 27/7/2018 nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 22/8/2018 và ngày 10/9/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/02/2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị V xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống; tính tình không hợp, hai bên thiếu tôn trọng nhau nên thường xuyên cãi vã và anh T đã có hành động đánh đập chị V. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh T đối với chị V đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc anh T bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị V cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị V và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị V.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn Đức M, sinh ngày 09/11/2009. Chị Lê Thị V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng, anh T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian gần đây và hiện nay vẫn do chị Lê Thị V nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Lê Văn Đức M có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của của chị Lê Thị V là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Văn Đức M.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V được ly hôn với anh Lê Văn T. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp).

2. Về con chung: Buộc anh Lê Văn T giao con chung cháu Lê Văn Đức M, sinh ngày 09/11/2009 cho chị Lê Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Lê Thị V và anh Lê Văn T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Văn T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chi Lê Thị V nuôi con thì chị Lê Thị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số 0019273 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Hạnh